

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả tuyển dụng và
danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp
trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2024**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt nhu cầu tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở GDĐT và UBND các huyện: Đình Lập, Văn Quan, Bắc Sơn, Chi Lăng, Hữu Lũng năm 2024;

Căn cứ Tờ trình số 3030/TTr-HĐTDVC ngày 17/9/2024 của Hội đồng tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở GDĐT năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tuyển dụng và danh sách 75 thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2024 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2024 có trách nhiệm thông báo công khai kết quả tuyển dụng và gửi văn bản thông báo công nhận kết quả trúng tuyển tới thí sinh dự tuyển theo quy định.

Điều 3. Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2024 Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Sở Nội vụ;
- Hội đồng TDVC;
- Lưu: VT, HS HĐTDVC.



GIÁM ĐỐC

Hoàng Quốc Tuấn

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LẠNG SƠN
HỘI ĐỒNG EDVC NĂM 2024

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1108/QĐ-SGDĐT ngày 17/9/2024 của Giám đốc Sở GDĐT)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đổi tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
1	2	3		4	5	6	7	8	10	11	12,00	13	14,00	15
1	01.05	Hà Mạnh	Dũng	15/06/1984	Nam	Kinh	TP Lạng Sơn	Toán học		TT GDTX 2 tỉnh	65,00		65,00	Trúng tuyển
2	01.09	Chu Kim	Mai	09/02/1994	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Toán học		TT GDTX 2 tỉnh	53,00		53,00	
3	01.19	Nguyễn Văn	Trường	27/06/1986	Nam	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Toán học		TT GDTX 2 tỉnh	50,25		50,25	
4	01.15	Hoàng Thị	Tích	06/11/1994	Nữ	Nùng	Sơn Động - Bắc Giang	Toán học	DTTS	Trường THPT huyện Đình Lập	70,00	5	75,00	Trúng tuyển
5	01.18	Lê Bích	Thúy	02/01/1988	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn	Toán học		Trường THPT huyện Đình Lập	66,50		66,50	
6	01.06	Phạm Trường	Giang	19/08/1988	Nam	Kinh	Lộc Bình - Lạng Sơn	Toán học		Trường THPT huyện Đình Lập	64,25		64,25	
7	01.20	Nguyễn Thu	Uyên	25/02/2000	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn	Toán học		Trường THPT huyện Đình Lập	0,00		Bỏ thi	
8	01.07	Nguyễn Thành	Hiếu	08/10/1993	Nam	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Toán học		Trường THPT Hữu Lũng	71,00		71,00	Trúng tuyển
9	01.14	Lâm Văn	Tần	24/02/1993	Nam	Nùng	Lục Ngạn - Bắc Giang	Toán học	DTTS	Trường THPT Hữu Lũng	65,00	5	70,00	
10	01.12	Dương Lê	Quỳnh	23/12/2002	Nữ	Kinh	TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Toán học		Trường THPT Hữu Lũng	63,75		63,75	
11	01.03	Hoàng Đình	Du	17/10/1995	Nam	Tày	Bắc Sơn- Lạng Sơn	Toán học	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	73,50	5	78,50	Trúng tuyển
12	01.13	Dương Thị	Tám	03/07/1990	Nữ	Tày	Định Hoá - Thái Nguyên	Toán học	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	59,50	5	64,50	
13	01.02	Dương Thị	Diễm	23/10/1991	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Toán học	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	51,50	5	56,50	
14	01.10	Phạm Việt	Nghĩa	18/10/2002	Nam	Kinh	Bình Gia - Lạng Sơn	Toán học		Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	74,50		74,50	Trúng tuyển
15	01.01	Lý Việt	Anh	10/04/2000	Nam	Nùng	TP Lạng Sơn	Toán học	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bình Gia	0,00	5	5,00	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đội tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
										Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
16	01.11	Nguyễn Đức Quang	10/05/2001	Nam	Tày	Lục Nam - Bắc Giang	Toán học	DTTS	Trường THPT Vân Nam	65,50	5	70,50	Trúng tuyển
17	01.04	Hứa Thị Dung	18/03/1996	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Toán học	DTTS	Trường THPT Vân Nam	0,00	5	Bỏ thi	
18	01.17	Dương Thị Thuý	27/12/1992	Nữ	Tày	TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Toán học	DTTS	Trường THPT Vũ Lễ	70,50	5	75,50	Trúng tuyển
19	01.16	Dương Thị Thiệp	27/06/1992	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Toán học	DTTS	Trường THPT Vũ Lễ	64,50	5	69,50	
20	01.08	Trần Thị Phương Loan	27/08/1988	Nữ	Tày	Hoà An - Cao Bằng	Toán học	DTTS	Trường THPT Vũ Lễ	0,00	5	Bỏ thi	
21	02.07	Đỗ Thị Thanh Mai	03/02/1988	Nữ	Kinh	Nam Trực - Nam Định	Vật lí		Trung tâm GDTX 2 tỉnh	82,00		82,00	Trúng tuyển
22	02.08	Hoàng Thị Thu Ngân	27/07/1990	Nữ	Tày	Bắc Sơn- Lạng Sơn	Vật lí	DTTS	Trung tâm GDTX 2 tỉnh	71,25	5	76,25	
23	02.09	Nguyễn Kim Phượng	10/08/1991	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Vật lí		Trung tâm GDTX 2 tỉnh	73,75		73,75	
24	02.10	Lâm Thị Thuý	11/07/1993	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Vật lí	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	68,50	5	73,50	Trúng tuyển
25	02.05	Dương Đình Lịch	27/03/1988	Nam	Tày	Bắc Sơn- Lạng Sơn	Vật lí	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	64,65	5	69,65	
26	02.06	Hoàng Hồng Linh	24/09/1998	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Vật lí	DTTS	Trường THPT chuyên Chu Văn An	59,25	5	64,25	Trúng tuyển
27	02.01	Hoàng Thị Hà	18/08/1997	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Vật lí	DTTS	Trường THPT Đồng Bành	81,00	5	86,00	Trúng tuyển
28	02.11	Dương Ngọc Trinh	01/10/1984	Nam	Kinh	Chi Lăng- Lạng Sơn	Vật lí		Trường THPT Đồng Bành	63,90		63,90	
29	02.03	Lưu Văn Kiên	19/09/1984	Nam	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Vật lí	DTTS	Trường THPT Đồng Bành	0,00	5	Bỏ thi	
30	02.12	Ngụy Thị Uyên	15/05/1993	Nữ	Kinh	Yên Dũng - Bắc Giang	Vật lí		Trường THPT Hữu Lũng	73,25		73,25	Trúng tuyển
31	02.02	Mông Thị Diễm Hằng	06/10/1996	Nữ	Nùng	Yên Thế - Bắc Giang	Vật lí	DTTS	Trường THPT Hữu Lũng	58,50	5	63,50	
32	02.04	Vũ Thị Lan	08/04/1995	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Vật lí		Trường THPT Hữu Lũng	0,00		Bỏ thi	
33	03.10	Lăng Thị Thu	06/12/1990	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Hoá học	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	78,25	5	83,25	Trúng tuyển
34	03.05	Nông Thu Huệ	16/12/1993	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Hoá học	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	69,00	5	74,00	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
35	03.06	Vì Văn	Hùng	26/10/1997	Nam	Tày	Đình Lập - Lạng Sơn	Hoá học	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	0,00	5	Bỏ thi	
36	03.07	Bùi Hồng	Linh	27/10/1989	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn	Hoá học		Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	0,00		Bỏ thi	
37	03.12	Dương Thời	Trọng	25/02/1992	Nam	Tày	Bắc Sơn- Lạng Sơn	Hoá học	DTTS	Trường THPT Bắc Sơn	55,00	5	60,00	Trúng tuyển
38	03.11	Nguyễn Kiều	Trang	23/09/1993	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn	Hoá học	DTTS	Trường THPT Bắc Sơn	52,50	5	57,50	
39	03.03	Ninh Thị	Hạnh	25/05/1994	Nữ	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Hoá học	DTTS	Trường THPT Bắc Sơn	0,00	5	Bỏ thi	
40	03.09	Nguyễn Thị	Thảo	02/05/1997	Nữ	Kinh	Lạng Giang - Bắc Giang	Hoá học		Trường THPT Hữu Lũng	73,25		73,25	Trúng tuyển
41	03.02	Phan Thị Ngọc	Ánh	12/03/1993	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Hoá học		Trường THPT Hữu Lũng	65,25		65,25	
42	03.08	An Thị Phương	Thảo	07/03/2002	Nữ	Kinh	Chi Lăng - Lạng Sơn	Hoá học		Trường THPT Hữu Lũng	61,25		61,25	
43	03.04	Vương Văn	Hậu	25/11/1992	Nam	Tày	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Hoá học	DTTS	Trường THPT Vân Nam	67,75	5	72,75	Trúng tuyển
44	03.01	Phạm Tiến	Anh	25/12/1994	Nam	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Hoá học	DTTS	Trường THPT Vân Nam	0,00	5	Bỏ thi	
45	04.11	Phạm Thu	Huyền	25/10/1995	Nữ	Tày	Cao Lộc - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trung tâm GDTX 2 tỉnh	75,75	5	80,75	Trúng tuyển
46	04.20	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	11/11/2002	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trung tâm GDTX 2 tỉnh	75,25	5	80,25	Trúng tuyển
47	04.39	Hoàng Trung	Vũ	11/02/2002	Nam	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trung tâm GDTX 2 tỉnh	70,00	5	75,00	
48	04.10	Lương Thanh	Hằng	03/01/1989	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn	Ngữ văn		Trung tâm GDTX 2 tỉnh	73,50		73,50	
49	04.08	Phùng Thị Thu	Hà	01/01/1997	Nữ	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trung tâm GDTX 2 tỉnh		5	Bỏ thi	
50	04.16	Nguyễn Thị	Lụa	23/12/1992	Nữ	Kinh	Chi Lăng - Lạng Sơn	Ngữ văn		Trung tâm GDTX 2 tỉnh			Bỏ thi	
51	04.17	Dương Ngọc	Mai	07/03/1990	Nữ	Tày	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trung tâm GDTX 2 tỉnh		5	Bỏ thi	
52	04.28	Chu Thị	Tâm	14/09/1990	Nữ	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trung tâm GDTX 2 tỉnh		5	Bỏ thi	
53	04.03	Hoàng Thị	Diễm	24/09/1985	Nữ	Tày	Văn Quan- Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	76,50	5	81,50	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đổi tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
										Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
54	04.24	Nông Bích Phượng	23/02/1997	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	71,50	5	76,50	Trúng tuyển
55	04.14	Nông Thị Liên	01/06/1990	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	71,50	5	76,50	
56	04.40	Mã Thị Hoàng Yến	09/01/1989	Nữ	Nùng	Thành phố Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	71,00	5	76,00	
57	04.21	Đinh Hồng Ngọc	18/09/1994	Nữ	Tày	Văn Lãng - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	68,50	5	73,50	
58	04.32	Đường Thu Thảo	03/08/1993	Nữ	Tày	Văn Lãng - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	65,50	5	70,50	
59	04.37	Hoàng Thị Huyền Trang	01/05/1993	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	64,00	5	69,00	
60	04.07	Nguyễn Thị Hà	17/10/1986	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	16,50	5	21,50	
61	04.22	Mã Thị Nguyệt	18/08/1989	Nữ	Nùng	TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Ngữ văn	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ		5	Bỏ thi	
62	04.25	Trần Văn Quảng	10/01/1987	Nam	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ		5	Bỏ thi	
63	04.27	Triệu Thị Sơn	24/02/1995	Nữ	Nùng	Văn Quan- Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Bình Gia	71,50	5	76,50	Trúng tuyển
64	04.02	Hoàng Thị Ngọc Bích	21/03/1998	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Bình Gia	69,50	5	74,50	
65	04.29	Nguyễn Thị Tâm	05/02/1994	Nữ	Kinh	Yên Thế - Bắc Giang	Ngữ văn		Trường THPT Bình Gia	74,50		74,50	
66	04.01	Nông Thị Ngọc Ánh	23/11/1992	Nữ	Nùng	Bắc Sơn- Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Bình Gia	62,75	5	67,75	
67	04.26	Vì Thị Sen	20/01/1990	Nữ	Tày	Bắc Sơn- Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Bình Gia	60,50	5	65,50	
68	04.15	Trương Thị Linh	04/07/1994	Nữ	Kinh	Văn Quan - Lạng Sơn	Ngữ văn		Trường THPT Bình Gia	60,50		60,50	
69	04.05	Lâm Văn Đồi	03/02/1990	Nam	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Bình Gia		5	Bỏ thi	
70	04.13	Hoàng Thị Lành	15/06/1994	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Bình Gia		5	Bỏ thi	
71	04.31	Phan Ngọc Thanh	18/10/2002	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THPT chuyên Chu Văn An	60,50	5	65,50	Trúng tuyển
72	04.09	Triệu Thị Hà	04/08/1992	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Tân Thành	72,50	5	77,50	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đổi tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
										Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
73	04.04	Hoàng Thuý Dung	26/03/1992	Nữ	Tày	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Tân Thành	61,00	5	66,00	
74	04.23	Lăng Đài Như	25/09/1994	Nữ	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Tân Thành		5	Bỏ thi	
75	04.38	Hoàng Thị Út	06/05/1990	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Tân Thành		5	Bỏ thi	
76	04.34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	29/07/2002	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Ngữ văn		Trường THPT Vân Nham	71,50		71,50	Trúng tuyển
77	04.12	Lâm Thị Lan	04/10/1991	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Vân Nham	65,00	5	70,00	Trúng tuyển
78	04.35	Đàng Thị Thắm	29/05/1989	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Vân Nham	61,50	5	66,50	
79	04.06	Hoàng Thị Giang	12/06/1994	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Vân Nham		5	Bỏ thi	
80	04.18	Trần Thị Mai	03/09/1990	Nữ	Tày	Bắc Sơn- Lạng Sơn	Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Vân Nham		5	Bỏ thi	
81	04.19	Trịnh Thị Nương	25/05/1993	Nữ	Dao	Na Rì - Bắc Kạn	Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Vân Nham		5	Bỏ thi	
82	04.30	Hoàng Thị Tiếp	25/12/1987	Nữ	Tày	Thanh Miện - Hải Dương	Ngữ văn	DTTS/ con BB	Trường THPT Vân Nham		5	Bỏ thi	
83	04.33	Ngô Thị Thảo	02/12/2002	Nữ	Kinh	Tân Yên - Bắc Giang	Ngữ văn		Trường THPT Vân Nham			Bỏ thi	
84	04.36	Nguyễn Phương Thúy	15/04/1991	Nữ	Kinh	Cao Lộc - Lạng Sơn	Ngữ văn		Trường THPT Vân Nham			Bỏ thi	
85	05.06	Hùng Thị Hoàn	12/11/2002	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trung tâm GDTX 2 tỉnh	74,00	5	79,00	Trúng tuyển
86	05.21	Lý Kim Oanh	07/02/1992	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trung tâm GDTX 2 tỉnh	71,50	5	76,50	Trúng tuyển
87	05.03	Phạm Thị Thơm Hà	14/02/1998	Nữ	Kinh	Gia Viễn - Ninh Bình	Lịch sử		Trung tâm GDTX 2 tỉnh	71,50		71,50	
88	05.26	Triệu Văn Thu	04/12/1993	Nam	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trung tâm GDTX 2 tỉnh	66,50	5	71,50	
89	05.19	Ngô Bích Ngọc	09/11/1991	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Lịch sử		Trung tâm GDTX 2 tỉnh	67,00		67,00	
90	05.24	Chu Thị Châu Sa	02/10/1998	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Lãng	77,00	5	82,00	Trúng tuyển
91	05.15	Mã Thị Mạo	28/03/2002	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Lãng	72,50	5	77,50	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đội tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
										Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
92	05.14	Nông Thị Lương	30/04/2001	Nữ	Tày	Trùng Khánh - Cao Bằng	Lịch sử	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Lãng	70,50	5	75,50	
93	05.10	Nông Văn Hưng	20/07/2002	Nam	Tày	Văn Lãng - Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Lãng	67,50	5	72,50	
94	05.12	Trần Nguyễn Khánh	11/10/1988	Nam	Kinh	Thành phố Bắc Kạn	Lịch sử		Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Lãng	56,00		56,00	
95	05.08	Hà Thu Huệ	28/12/1993	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Lãng		5	Bỏ thi	
96	05.09	Nông Thị Huệ	03/03/1991	Nữ	Nùng	Quảng Hà - Cao Bằng	Lịch sử	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Lãng		5	Bỏ thi	
97	05.25	Nông Thị Sinh	23/02/1994	Nữ	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Lãng		5	Bỏ thi	
98	05.16	Vy Thị Niềm	08/07/1994	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trường THPT Ba Sơn	83,00	5	88,00	Trúng tuyển
99	05.02	Lý Thị Thu Giang	18/10/1987	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trường THPT Ba Sơn	58,00	5	63,00	
100	05.27	Nguyễn Thị Thu Trang	27/08/1991	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trường THPT Ba Sơn	52,50	5	57,50	
101	05.07	Nguyễn Đức Hồng	12/03/1987	Nam	Kinh	TP Hải Phòng	Lịch sử	Con BB	Trường THPT Ba Sơn		5	Bỏ thi	
102	05.13	Lý Thị Luyến	09/01/1990	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trường THPT Ba Sơn		5	Bỏ thi	
103	05.22	Lý Thị Oanh	03/12/1997	Nữ	Nùng	Hạ Lang - Cao Bằng	Lịch sử	DTTS	Trường THPT Ba Sơn		5	Bỏ thi	
104	05.20	Vi Thị Nhịp	10/10/2002	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trường THPT Đồng Bành	83,50	5	88,50	Trúng tuyển
105	05.17	Hoàng Thị Nga	08/06/1995	Nữ	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trường THPT Đồng Bành	70,00	5	75,00	
106	05.05	Triệu Thị Hòa	07/05/1990	Nữ	Dao	Chi Lăng - Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trường THPT Đồng Bành		5	Bỏ thi	
107	05.01	Hoàng Thị Gái	09/03/2002	Nữ	Nùng	Đình Lập - Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trường THPT huyện Đình Lập	84,25	5	89,25	Trúng tuyển
108	05.04	Vy Thị Thu Hiền	24/04/1990	Nữ	Nùng	Lộc Bình - Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trường THPT huyện Đình Lập	73,50	5	78,50	
109	05.11	Hoàng Thị Hương	09/02/1996	Nữ	Nùng	Long Biên - Hà Nội	Lịch sử	DTTS	Trường THPT Vân Nam	85,25	5	90,25	Trúng tuyển
110	05.23	Mã Văn Quang	10/07/2000	Nam	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trường THPT Vân Nam	65,00	5	70,00	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đổi tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
111	05.18	Hoàng Thị	Ngọc	26/12/1994	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Lịch sử	DTTS	Trường THPT Vân Nam	60,25	5	65,25	
112	06.01	Lương Ngọc	Anh	21/10/1994	Nữ	Tày	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trung tâm GDTX 2 tỉnh	72,25	5	77,25	Trúng tuyển
113	06.11	Dương Thị	Huyền	13/06/1992	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trung tâm GDTX 2 tỉnh	66,25	5	71,25	
114	06.29	Chu Thị	Thu	21/03/1994	Nữ	Tày	Cao Lộc - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trung tâm GDTX 2 tỉnh	66,00	5	71,00	
115	06.32	Đàm Kim	Vân	09/12/1994	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trung tâm GDTX 2 tỉnh	61,25	5	66,25	
116	06.04	Hoàng Thị	Duyên	13/03/1994	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trung tâm GDTX 2 tỉnh		5	Bỏ thi	
117	06.08	Bùi Thị Trang	Hồng	21/07/1987	Nữ	Kinh	Thanh Liêm - Hà Nam	Địa lí		Trung tâm GDTX 2 tỉnh			Bỏ thi	
118	06.17	Trần Thị	Nguyệt	16/12/1990	Nữ	Kinh	Võ Nai - Thái Nguyên	Địa lí		Trung tâm GDTX 2 tỉnh			Bỏ thi	
119	06.25	Nông Út	Thịnh	12/02/1995	Nữ	Tày	Phú Lương - Thái Nguyên	Địa lí	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	84,75	5	89,75	Trúng tuyển
120	06.30	Đặng Thanh	Thúy	15/02/2001	Nữ	Tày	Cao Lộc - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	82,25	5	87,25	
121	06.06	Hoàng Thị	Hiền	08/06/1992	Nữ	Sán chỉ	Thành phố Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	74,75	5	79,75	
122	06.18	Nông Thị	Nhung	25/01/1989	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lộc Bình	61,00	5	66,00	
123	06.31	Triệu Thị Thanh	Thúy	16/05/2001	Nữ	Tày	Hạ Lang - Cao Bằng	Địa lí	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Lãng	79,00	5	84,00	Trúng tuyển
124	06.02	Tô Văn	Bình	17/03/1989	Nam	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Lãng	77,75	5	82,75	
125	06.26	Hoàng Thị Kim	Thoa	22/05/1994	Nữ	Nùng	TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Địa lí	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Lãng	64,75	5	69,75	
126	06.10	Dương Thị	Huệ	21/09/1996	Nữ	Dao	TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Địa lí	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Lãng		5	Bỏ thi	
127	06.16	Nông Bích	Ngân	08/02/1993	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Lãng		5	Bỏ thi	
128	06.33	Dương Thị	Việt	21/02/1991	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	67,00	5	72,00	Trúng tuyển
129	06.09	Hà Văn	Huân	25/10/1992	Nam	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	65,75	5	70,75	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
										Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
130	06.19	Nông Thị Kim Oanh	22/12/1992	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	61,75	5	66,75	
131	06.13	Hà Thị Phương Lan	02/12/2000	Nữ	Tày	Chợ Đồn - Bắc Kạn	Địa lí	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ		5	Bỏ thi	
132	06.23	Dương Thị Kim Tuyền	22/12/1995	Nữ	Dao	Ba Vì - Hà Nội	Địa lí	DTTS	Trường THPT chuyên Chu Văn An	83,75	5	88,75	Trúng tuyển
133	06.12	Chu Thị Hương	30/10/2001	Nữ	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trường THPT chuyên Chu Văn An	63,25	5	68,25	
134	06.14	Triệu Thị Lan	04/10/1987	Nữ	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trường THPT Hội Hoan	65,75	5	70,75	Trúng tuyển
135	06.20	Nông Thị Phương	29/03/1993	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trường THPT Hội Hoan	63,75	5	68,75	
136	06.21	Hoàng Thị Quê	11/12/1994	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trường THPT Hội Hoan		5	Bỏ thi	
137	06.24	Dương Thị Tuyết	27/06/1997	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trường THPT Hội Hoan		5	Bỏ thi	
138	06.27	Hoàng Thị Kim Thoa	15/07/1997	Nữ	Nùng	Na Rì - Bắc Kạn	Địa lí	DTTS	Trường THPT Hội Hoan		5	Bỏ thi	
139	06.34	Vy Thị Yến	03/11/1996	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trường THPT Hữu Lũng	82,50	5	87,50	Trúng tuyển
140	06.15	Lương Thị Huyền My	08/08/2001	Nữ	Tày	Võ Nai - Thái Nguyên	Địa lí	DTTS	Trường THPT Hữu Lũng	80,50	5	85,50	
141	06.07	Lý Hoàng Hiệp	04/08/1998	Nữ	Tày	Sơn Động - Bắc Giang	Địa lí	DTTS	Trường THPT Hữu Lũng	74,00	5	79,00	
142	06.03	Nguyễn Thị Diệu	29/12/1991	Nữ	Tày	Cao Lộc - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trường THPT Tân Thành	87,50	5	92,50	Trúng tuyển
143	06.22	Lường Văn Sánh	20/07/1993	Nam	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trường THPT Tân Thành	87,00	5	92,00	
144	06.28	Dương Thị Thông	01/07/1991	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Địa lí	DTTS	Trường THPT Tân Thành	66,25	5	71,25	
145	06.05	Hoàng Thị Hạnh	05/01/1991	Nữ	Nùng	Lạng Giang - Bắc Giang	Địa lí	DTTS	Trường THPT Tân Thành	61,25	5	66,25	
146	07.05	Chương Thị Hà	10/10/1990	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	GDCD	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	62,75	5	67,75	Trúng tuyển
147	07.09	Nông Thị Mùi	24/11/1994	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn	GDCD	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ	54,50	5	59,50	
148	07.03	Nông Kiều Dung	16/06/1994	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	GDCD	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ		5	Bỏ thi	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
149	07.08	Hoàng Thị	Liễu	09/02/2002	Nữ	Tày	Hạ Lang - Cao Bằng	GDCD	DTTS	Trường THCS&THPT Bình Độ		5	Bỏ thi	
150	07.14	Hà Thị	Nguyên	17/08/1993	Nữ	Tày	Đại Từ - Thái Nguyên	GDCD	DTTS	Trường THPT Hữu Lũng	73,75	5	78,75	Trúng tuyển
151	07.12	Nông Thị	Ngân	13/03/1994	Nữ	Giáy	Hữu Lũng - Lạng Sơn	GDCD	DTTS	Trường THPT Hữu Lũng	53,00	5	58,00	
152	07.01	Hoàng Thủy	Anh	25/01/1988	Nữ	Tày	Phổ Yên- Thái Nguyên	GDCD	DTTS	Trường THPT Hữu Lũng		5	Bỏ thi	
153	07.18	Hoàng Thị Thùy	Trang	28/05/2002	Nữ	Tày	Trùng Khánh - Cao Bằng	GDCD	DTTS	Trường THPT Hữu Lũng		5	Bỏ thi	
154	07.19	Vy Thị Huyền	Trang	05/11/2002	Nữ	Tày	Văn Quan- Lạng Sơn	GDCD	DTTS	Trường THPT Hữu Lũng		5	Bỏ thi	
155	07.15	Lăng Thị Huệ	Nhàn	11/11/2002	Nữ	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	GDCD	DTTS	Trường THPT Tân Thành	62,25	5	67,25	Trúng tuyển
156	07.07	Vi Văn	Hùng	13/08/1989	Nam	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	GDCD	DTTS	Trường THPT Tân Thành	55,50	5	60,50	
157	07.13	Nguyễn Văn	Ngọc	21/04/1985	Nam	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	GDCD	DTTS	Trường THPT Tân Thành	46,25	5	51,25	
158	07.04	Hoàng Văn	Đức	27/01/1999	Nam	Nùng	Bắc Sơn - Lạng Sơn	GDCD	DTTS	Trường THPT Tân Thành		5	Bỏ thi	
159	07.06	Nông Văn	Hiếu	22/06/1997	Nam	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	GDCD	DTTS	Trường THPT Tân Thành		5	Bỏ thi	
160	07.17	La Văn	Thanh	07/05/1994	Nam	Nùng	Văn Quan- Lạng Sơn	GDCD	DTTS	Trường THPT Tân Thành		5	Bỏ thi	
161	07.11	Vi Thị Thanh	Nga	04/02/1987	Nữ	Tày	Yên Thế- Bắc Giang	GDCD	DTTS	Trường THPT Văn Nham	67,75	5	72,75	Trúng tuyển
162	07.02	Nguyễn Thị	Bình	14/07/1993	Nữ	Tày	Bắc Sơn- Lạng Sơn	GDCD	DTTS	Trường THPT Văn Nham	56,25	5	61,25	
163	07.16	Trần Bảo	Quế	02/07/1992	Nữ	Kinh	Bắc Sơn- Lạng Sơn	GDCD		Trường THPT Văn Nham	53,00		53,00	
164	07.10	Vi Thị	Mưa	28/11/2002	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	GDCD	DTTS	Trường THPT Văn Nham		5	Bỏ thi	
165	08.06	Chu Thanh	Tâm	07/08/1990	Nữ	Tày	Cao Lộc - Lạng Sơn	Tiếng Anh	DTTS	Trường THPT Chi Lăng	63,50	5	68,50	Trúng tuyển
166	08.04	Vi Thị	Lụa	01/02/1991	Nữ	Tày	Quảng Hoà - Cao Bằng	Tiếng Anh	DTTS	Trường THPT Chi Lăng	61,75	5	66,75	Trúng tuyển
167	08.03	Đàm Thị Thanh	Hương	29/05/1994	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Tiếng Anh	DTTS	Trường THPT Chi Lăng	39,50	5	44,50	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú	
										Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
168	08.01	Nguyễn Vũ Hương	Giang	23/05/2002	Nữ	Kinh	Tràng Định - Lạng Sơn	Tiếng Anh		Trường THPT huyện Tràng Định	58,50		58,50	Trúng tuyển
169	08.05	Nguyễn Đức	Nghĩa	12/01/1998	Nam	Tày	TP Lạng Sơn	Tiếng Anh	DTTS	Trường THPT Văn Lãng	56,75	5	61,75	Trúng tuyển
170	08.02	Ngô Thu	Hà	24/03/2001	Nữ	Sán Diu	Lục Nam - Bắc Giang	Tiếng Anh	DTTS	Trường THPT Văn Nham	66,75	5	71,75	Trúng tuyển
171	09.09	Chu Minh	Trang	12/09/2001	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Tiếng Trung Quốc	DTTS	Trường THPT Cao Lộc	49,25	5	54,25	
172	09.01	Lương Thị	Cường	22/08/1990	Nữ	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Tiếng Trung Quốc	DTTS	Trường THPT Cao Lộc	48,75	5	53,75	
173	09.05	Hoàng Thị	Nhàn	23/02/2000	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Tiếng Trung Quốc	DTTS	Trường THPT Cao Lộc		5	Bỏ thi	
174	09.04	Nông Thị	Ly	24/09/1999	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Tiếng Trung Quốc	DTTS	Trường THPT DTNT tỉnh	61,25	5	66,25	Trúng tuyển
175	09.06	Lê Kim	Oanh	08/07/1993	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn	Tiếng Trung Quốc		Trường THPT DTNT tỉnh	58,25		58,25	
176	09.08	Vy Thị	Thảo	12/10/1992	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Tiếng Trung Quốc	DTTS	Trường THPT DTNT tỉnh	51,00	5	56,00	
177	09.03	Nguyễn Hương	Linh	14/02/1992	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Tiếng Trung Quốc		Trường THPT DTNT tỉnh	47,75		47,75	
178	09.10	Lộc Thị Huyền	Trang	22/09/2000	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Tiếng Trung Quốc	DTTS	Trường THPT Lộc Bình	52,00	5	57,00	Trúng tuyển
179	09.11	Vy Thị Huyền	Trang	26/11/1995	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Tiếng Trung Quốc	DTTS	Trường THPT Lộc Bình	51,50	5	56,50	
180	09.02	Sâm Thị	Hoa	21/05/1998	Nữ	Nùng	Lộc Bình - Lạng Sơn	Tiếng Trung Quốc	DTTS	Trường THPT Lộc Bình	44,25	5	49,25	
181	09.07	Hoàng Phương	Thảo	04/07/2001	Nữ	Tày	Đình Lập - Lạng Sơn	Tiếng Trung Quốc	DTTS	Trường THPT Lộc Bình		5	Bỏ thi	
182	10.01	Hoàng Bích	Ngọc	04/05/1999	Nữ	Tày	Bắc Sơn- Lạng Sơn	Tin học	DTTS	Trường THPT Hữu Lũng		5	Bỏ thi	
183	10.02	Nguyễn Thị	Mai	30/11/2002	Nữ	Kinh	Lục Nam - Bắc Giang	Tin học		Trường THPT Hữu Lũng			Bỏ thi	
184	11.13	Triệu Bảo	Ngọc	01/12/2002	Nữ	Tày	Chi Lăng- Lạng Sơn	Giáo dục QPAN	DTTS	Trường THPT Hòa Bình	79,50	5	84,50	Trúng tuyển
185	11.19	Vi Văn	Thiết	09/08/1997	Nam	Nùng	Quảng Hoà - Cao Bằng	Giáo dục QPAN	DTTS	Trường THPT Hòa Bình	76,50	5	81,50	
186	11.22	Vy Văn	Trọng	29/09/1999	Nam	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo dục QPAN	DTTS	Trường THPT Hòa Bình	72,75	5	77,75	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đội tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
187	11.21	Hoàng Đình	Thụ	20/05/1997	Nam	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo dục QPAN	DTTS	Trường THPT Hòa Bình	71,50	5	76,50	
188	11.07	Phạm Văn	Khuê	20/10/1989	Nam	Kinh	Văn Lãng - Lạng Sơn	Giáo dục QPAN		Trường THPT Hòa Bình	66,00		66,00	
189	11.09	Hoàng Thị	Loan	28/03/1997	Nữ	Tày	Bắc Sơn- Lạng Sơn	Giáo dục QPAN	DTTS	Trường THPT Hữu Lũng	85,00	5	90,00	Trúng tuyển
190	11.14	Nguyễn Việt	Phú	14/03/1995	Nam	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo dục QPAN		Trường THPT Hữu Lũng	82,75		82,75	
191	11.08	Vũ Thị	Khuyên	02/02/1998	Nữ	Kinh	Vũ Thư - Thái Bình	Giáo dục QPAN		Trường THPT Hữu Lũng	72,25		72,25	
192	11.03	Trần Văn	Công	13/03/1988	Nam	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo dục QPAN		Trường THPT Hữu Lũng	68,75		68,75	
193	11.02	Đặng Thị Minh	Ánh	20/01/2001	Nữ	Cao lan	Phú Bình - Thái Nguyên	Giáo dục QPAN	DTTS	Trường THPT Hữu Lũng		5	Bỏ thi	
194	11.05	Lò Thị	Hiền	07/05/2001	Nữ	Thái	Mường Ảng - Điện Biên	Giáo dục QPAN	DTTS	Trường THPT Tân Thành	84,75	5	89,75	Trúng tuyển
195	11.15	Hoàng Kim	Phượng	14/11/1998	Nữ	Nùng	Chi Lăng - Lạng Sơn	Giáo dục QPAN	DTTS	Trường THPT Tân Thành	81,25	5	86,25	
196	11.10	Triệu Văn	Luân	08/05/1998	Nam	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo dục QPAN	DTTS	Trường THPT Tân Thành	70,75	5	75,75	
197	11.12	Hoàng Thị	Ngọc	02/11/1996	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo dục QPAN	DTTS	Trường THPT Tân Thành	68,50	5	73,50	
198	11.20	Hứa Văn	Thời	24/04/1989	Nam	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo dục QPAN	DTTS	Trường THPT Tân Thành	66,00	5	71,00	
199	11.17	Lộc Trọng	Tuấn	14/08/1986	Nam	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Giáo dục QPAN	DTTS	Trường THPT Tú Đoạn	80,50	5	85,50	Trúng tuyển
200	11.18	Dương Hồng	Thắm	28/08/1999	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn	Giáo dục QPAN	DTTS	Trường THPT Tú Đoạn	77,00	5	82,00	
201	11.06	Giáp Văn	Huỳnh	25/08/1998	Nam	Tày	Đình Lập - Lạng Sơn	Giáo dục QPAN	DTTS	Trường THPT Tú Đoạn	76,00	5	81,00	
202	11.11	Vì Thị	Lý	11/06/1999	Nữ	Tày	Đình Lập - Lạng Sơn	Giáo dục QPAN	DTTS	Trường THPT Tú Đoạn	75,00	5	80,00	
203	11.01	Lê Thế	Anh	25/05/1998	Nam	Kinh	TP Lạng Sơn	Giáo dục QPAN	Hoàn thành NVQS	Trường THPT Tú Đoạn	76,50	2,5	79,00	
204	11.16	Hà Thanh	Sang	13/03/1996	Nam	Nùng	Thành phố Lạng Sơn	Giáo dục QPAN	DTTS	Trường THPT Tú Đoạn	64,50	5	69,50	
205	11.04	La Văn	Duy	06/10/1993	Nam	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Giáo dục QPAN	DTTS	Trường THPT Tú Đoạn		5	Bỏ thi	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
206	12.08	Hoàng Tiến	Thiêm	28/07/1994	Nam	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo dục thể chất	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Trảng Định	80,00	5	85,00	Trúng tuyển
207	12.01	Triệu Văn	Hành	13/01/1993	Nam	Dao	Trảng Định - Lạng Sơn	Giáo dục thể chất	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Trảng Định	75,00	5	80,00	
208	12.05	Hoàng Bạch	Long	19/05/1988	Nam	Tày	Văn Quan - Lạng Sơn	Giáo dục thể chất	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Trảng Định	70,00	5	75,00	
209	12.02	Mỗ Văn	Hào	08/05/1994	Nam	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Giáo dục thể chất	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Trảng Định		5	Bỏ thi	
210	12.07	Ngô Thị Thanh	Tuyền	16/11/1987	Nữ	Tày	Cao Lộc - Lạng Sơn	Giáo dục thể chất	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Trảng Định		5	Bỏ thi	
211	12.04	Nông Văn	Khéo	12/04/1989	Nam	Tày	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo dục thể chất	DTTS	Trường THPT Tân Thành	83,00	5	88,00	Trúng tuyển
212	12.03	Hoàng Văn	Hoạch	04/08/1994	Nam	Nùng	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo dục thể chất	DTTS	Trường THPT Tân Thành	79,00	5	84,00	
213	12.09	Chu Thị	Thu	27/03/1988	Nữ	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Giáo dục thể chất	DTTS	Trường THPT Tân Thành	77,00	5	82,00	
214	12.06	Nguyễn Thị Tuyết	Phượng	04/11/1987	Nữ	Kinh	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Giáo dục thể chất		Trường THPT Tân Thành			Bỏ thi	
215	13.02	Trịnh Thị	Đào	28/11/1991	Nữ	Tày	Trảng Định - Lạng Sơn	Công nghệ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Lãng	81,88	5	86,88	Trúng tuyển
216	13.03	Hoàng Thanh	Hiếu	18/11/1989	Nữ	Tày	Văn Lãng - Lạng Sơn	Công nghệ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Lãng	62,50	5	67,50	
217	13.04	Nông Thị	Thảo	28/06/1989	Nữ	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Công nghệ	DTTS	Trường THPT Hữu Lũng	65,25	5	70,25	Trúng tuyển
218	13.01	Hà Xuân	Cảnh	12/10/1986	Nam	Tày	Bình Gia - Lạng Sơn	Công nghệ	DTTS	Trường THPT Hữu Lũng	61,75	5	66,75	Trúng tuyển
219	14.01	Lý Thanh	Hương	01/02/1982	Nữ	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Thư viện	DTTS	Trường THPT Hoà Bình	89,50	5	94,50	Trúng tuyển
220	14.03	Dương Thị	Thiệp	26/10/1989	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Thư viện	DTTS	Trường THPT Hội Hoan	91,00	5	96,00	Trúng tuyển
221	14.02	Lâm Văn	Nấm	15/03/1989	Nam	Nùng	Bình Gia - Lạng Sơn	Thư viện	DTTS	Trường THPT Hội Hoan	81,50	5	86,50	
222	15.09	Nguyễn Thị	Mai	28/08/1984	Nữ	Nùng	Trảng Định - Lạng Sơn	Y sỹ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Trảng Định	90,00	5	95,00	Trúng tuyển
223	15.03	Chu Thị	Cúc	04/05/1994	Nữ	Tày	Trảng Định - Lạng Sơn	Y sỹ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Trảng Định	80,00	5	85,00	
224	15.08	Nông Văn	Hùng	05/03/1991	Nam	Tày	Hà Quảng - Cao Bằng	Y sỹ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Trảng Định	77,00	5	82,00	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Điểm tương đương ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
225	15.02	Nông Thị	Biển	07/12/1994	Nữ	Tày	Na Rì - Bắc Kạn	Y sỹ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Trảng Định	55,50	5	60,50	
226	15.01	Nông Thị	Bạch	23/07/1991	Nữ	Nùng	Trảng Định - Lạng Sơn	Y sỹ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Trảng Định	55,00	5	60,00	
227	15.12	Triệu Thanh	Thúy	25/07/1994	Nữ	Nùng	Trảng Định - Lạng Sơn	Y sỹ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Trảng Định	55,00	5	60,00	
228	15.04	Nông Thị Thu	Diệu	22/12/1991	Nữ	Tày	Na Rì - Bắc Kạn	Y sỹ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Trảng Định		5	Bỏ thi	
229	15.06	Hoàng Văn	Hoàng	07/09/1990	Nam	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Y sỹ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Trảng Định		5	Bỏ thi	
230	15.10	Đinh Thị	Oanh	06/11/1992	Nữ	Tày	Văn Quan - Lạng Sơn	Y sỹ	DTTS	Trường THPT Lương Văn Tri	92,00	5	97,00	Trúng tuyển
231	15.11	Vy Minh	Quý	08/07/1996	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn	Y sỹ	DTTS	Trường THPT Lương Văn Tri	61,00	5	66,00	
232	15.05	Vy Thị	Duyên	16/02/1993	Nữ	Tày	Văn Quan - Lạng Sơn	Y sỹ	DTTS	Trường THPT Lương Văn Tri	60,00	5	65,00	
233	15.07	Lương Việt	Hoàng	19/10/1993	Nam	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Y sỹ	DTTS	Trường THPT Lương Văn Tri	0,00	5	Bỏ thi	
234	16.01	Hoàng Minh	Hường	29/03/1985	Nam	Tày	Cao Lộc - Lạng Sơn	Thiết bị	DTTS	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	61,00	5	66,00	Trúng tuyển
235	17.07	Đinh Lý Quỳnh	Trang	31/12/2002	Nữ	Tày	Văn Lãng - Lạng Sơn	Văn thư	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Chi Lăng	65,50	5	70,50	Trúng tuyển
236	17.03	Lý Thị Hồng	Liên	12/01/2001	Nữ	Nùng	Bình Gia- Lạng Sơn	Văn thư	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Chi Lăng	50,50	5	55,50	
237	17.01	Hoàng Thu	Hà	06/09/1992	Nữ	Tày	Chi Lăng - Lạng Sơn	Văn thư	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Chi Lăng		5	Bỏ thi	
238	17.04	Dương Thị	Quỳnh	15/07/1991	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Văn thư	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Chi Lăng		5	Bỏ thi	
239	17.05	Hà Thị	Thảo	14/01/1996	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Văn thư	DTTS	Trường THPT Chi Lăng	92,00	5	97,00	Trúng tuyển
240	17.02	Vi Thị	Lệ	06/07/2000	Nữ	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Văn thư	DTTS	Trường THPT Chi Lăng		5	Bỏ thi	
241	17.06	Vũ Hoài	Thương	18/4/1991	Nữ	Nùng	Hữu Lũng - Lạng Sơn	Văn thư	DTTS	Trường THPT Chi Lăng		5	Bỏ thi	
242	18.57	Phan Thị Phương	Yến	26/12/1995	Nữ	Kinh	Bắc Sơn- Lạng Sơn	Giáo vụ		Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	97,50		97,50	Trúng tuyển
243	18.28	Trần Thị	Minh	28/10/1994	Nữ	Nùng	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	87,50	5	92,50	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
244	18.10	Dương Thị Thùy	Dương	29/05/1990	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	75,50	5	80,50	
245	18.36	Lê Thị Sợi	Sợi	12/09/1989	Nữ	Nùng	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	72,00	5	77,00	
246	18.33	Vi Bích Nguyệt	Nguyệt	19/01/1992	Nữ	Nùng	Bình Gia- Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	66,50	5	71,50	
247	18.07	Dương Thị Dung	Dung	19/08/1988	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	62,50	5	67,50	
248	18.34	Hoàng Thị Nhiêu	Nhiêu	19/08/1990	Nữ	Nùng	Bình Gia- Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	60,00	5	65,00	
249	18.16	Nguyễn Thị Hằng	Hằng	03/03/1990	Nữ	Kinh	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ		Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	63,50		63,50	
250	18.09	Vũ Việt Dũng	Dũng	20/06/1988	Nam	Kinh	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ		Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	51,00		51,00	
251	18.38	Hoàng Công Tùng	Tùng	09/12/1992	Nam	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	35,50	5	40,50	
252	18.29	Dương Công Mức	Mức	11/04/1993	Nam	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn	28,50	5	33,50	
253	18.19	Đồng Thị Huệ	Huệ	15/06/1991	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn		5	Bỏ thi	
254	18.24	Hoàng Thị Len	Len	16/08/1989	Nữ	Nùng	Bình Gia- Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn		5	Bỏ thi	
255	18.25	Hoàng Thị Loan	Loan	10/12/1994	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn		5	Bỏ thi	
256	18.39	Nông Thị Tuyết	Tuyết	16/04/1998	Nữ	Nùng	Bình Gia- Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn		5	Bỏ thi	
257	18.45	Triệu Thị Thiều	Thiều	27/07/1986	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Sơn		5	Bỏ thi	
258	18.49	Lương Thị Hương Trà	Trà	04/11/1996	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc	92,50	5	97,50	Trúng tuyển
259	18.03	Hoàng Thị Ấm	Ấm	15/09/1993	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc	81,00	5	86,00	
260	18.54	Hoàng Thị Thảo Vân	Vân	10/12/1990	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc	77,50	5	82,50	
261	18.42	Vi Phương Thảo	Thảo	20/11/1989	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc	73,00	5	78,00	
262	18.35	Đỗ Thị Nhoi	Nhoi	17/12/1991	Nữ	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc	69,00	5	74,00	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
											Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
263	18.18	Nông Thị	Hiền	24/11/1992	Nữ	Tày	Lộc Bình - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc	68,50	5	73,50	
264	18.31	Vy Thị	Nga	18/01/1992	Nữ	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc	66,00	5	71,00	
265	18.53	Hoàng Thị	Vân	06/12/1994	Nữ	Tày	Bình Gia- Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc	57,50	5	62,50	
266	18.41	Dương Tiến	Thành	12/11/1994	Nam	Tày	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc	49,00	5	54,00	
267	18.05	Ngô Thành	Diệm	08/11/1988	Nam	Tày	Văn Quan - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc	44,00	5	49,00	
268	18.46	Lăng Thị	Thơm	18/05/1992	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc	33,50	5	38,50	
269	18.11	Nguyễn Thị Trà	Giang	03/02/1994	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ		Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc	32,50		32,50	
270	18.08	Hoàng Thị	Dung	04/09/1991	Nữ	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc		5	Bỏ thi	
271	18.17	Vì Thị	Hằng	14/12/1995	Nữ	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc		5	Bỏ thi	
272	18.30	Âu Thị	Nga	15/02/1987	Nữ	Nùng	Cao Lộc - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc		5	Bỏ thi	
273	18.43	Vũ Thanh	Thảo	07/04/1995	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Lộc		5	Bỏ thi	
274	18.20	Dương Doãn	Hưng	29/03/1996	Nam	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS/ HT NVCS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Hữu Lũng	84,00	5	89,00	Trúng tuyển
275	18.47	Vũ Thị	Thơm	05/07/1990	Nữ	Kinh	Yên Thế - Bắc Giang	Giáo vụ		Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Hữu Lũng	85,50		85,50	
276	18.23	Hoàng Thị Ngọc	Lan	29/10/1995	Nữ	Tày	Bình Gia- Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Hữu Lũng	73,00	5	78,00	
277	18.51	Hứa Thị	Tranh	07/08/1993	Nữ	Nùng	Bình Gia- Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Hữu Lũng	66,50	5	71,50	
278	18.50	Lý Thị Huyền	Trang	02/09/1992	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	88,00	5	93,00	Trúng tuyển
279	18.21	Dương Thị	Hường	16/06/1992	Nữ	Dao	Tràng Định - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	85,50	5	90,50	
280	18.13	Đinh Thu	Hà	03/12/1988	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	72,50	5	77,50	
281	18.12	Bế Thị	Hà	10/07/1994	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tràng Định	70,50	5	75,50	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
										Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
282	18.27	Hoàng Thị Mai	01/08/1991	Nữ	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTINT THCS&THPT huyện Tràng Định	62,00	5	67,00	
283	18.22	Hoàng Công Kiên	10/07/1984	Nam	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường PTDTINT THCS&THPT huyện Tràng Định		5	Bỏ thi	
284	18.06	Dương Phương Dung	02/09/1996	Nữ	Kinh	Chi Lăng - Lạng Sơn	Giáo vụ		Trường THPT chuyên Chu Văn An	93,50		93,50	Trúng tuyển
285	18.15	Chu Thanh Hằng	09/05/1994	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường THPT chuyên Chu Văn An	87,00	5	92,00	
286	18.48	Hoàng Hương Thuỳ	26/05/1987	Nữ	Tày	Bắc Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường THPT chuyên Chu Văn An	87,00	5	92,00	
287	18.44	Hoàng Thị Thị	03/04/1988	Nữ	Nùng	Bình Gia- Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường THPT chuyên Chu Văn An	81,50	5	86,50	
288	18.14	Nguyễn Thị Hạnh	30/07/1992	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ		Trường THPT chuyên Chu Văn An	81,50		81,50	
289	18.55	Nguyễn Thị Hải Xuân	07/01/1981	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ		Trường THPT chuyên Chu Văn An	81,50		81,50	
290	18.01	Lê Lan Anh	17/07/1990	Nữ	Tày	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường THPT chuyên Chu Văn An	74,00	5	79,00	
291	18.02	Vi Thị Ngọc Anh	05/06/1991	Nữ	Nùng	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường THPT chuyên Chu Văn An	69,50	5	74,50	
292	18.37	Nông Thanh Tú	04/02/1994	Nữ	Tày	Bình Gia- Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường THPT chuyên Chu Văn An	57,00	5	62,00	
293	18.56	Vương Thị Xuyên	29/04/1993	Nữ	Nùng	Văn Lãng - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường THPT chuyên Chu Văn An	56,00	5	61,00	
294	18.04	Nông Thị Thảo Chi	24/04/1992	Nữ	Tày	Mai Pha - TP Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường THPT chuyên Chu Văn An		5	Bỏ thi	
295	18.26	Đinh Thị Luyến	03/07/1990	Nữ	Tày	Cao Lộc - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường THPT chuyên Chu Văn An		5	Bỏ thi	
296	18.32	Phạm Thanh Ngân	21/05/1996	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ		Trường THPT chuyên Chu Văn An			Bỏ thi	
297	18.40	Vy Thị Thanh	09/02/2002	Nữ	Tày	Văn Lãng - Lạng Sơn	Giáo vụ	DTTS	Trường THPT chuyên Chu Văn An		5	Bỏ thi	
298	18.52	Nguyễn Thị Việt Trinh	17/02/1994	Nữ	Kinh	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	Giáo vụ		Trường THPT chuyên Chu Văn An			Bỏ thi	
299	19.03	Hoàng Ngọc Lan	01/08/2001	Nữ	Kinh	Lộc Bình - Lạng Sơn	Kế toán		Trường THPT Tràng Định	84,00		84,00	Trúng tuyển
300	19.04	Nông Cửu Long	05/09/1988	Nam	Nùng	Văn Quan - Lạng Sơn	Kế Toán	DTTS	Trường THPT Tràng Định	70,50	5	75,50	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú (huyện - tỉnh)	Môn dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị dự tuyển	Kết quả thi vòng 2			Ghi chú
										Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
301	19.06	Nông Thu Nguyệt	30/10/1997	Nữ	Nùng	Tràng Định - Lạng Sơn	Kế Toán	DTTS	Trường THPT Tràng Định	58,00	5	63,00	
302	19.01	Bế Văn Hoá	14/07/1991	Nam	Tày	Tràng Định - Lạng Sơn	Kế Toán	DTTS	Trường THPT Tràng Định	40,00	5	45,00	
303	19.05	Vy Phương Nguyên	23/10/1990	Nữ	Tày	Cao Lộc - Lạng Sơn	Kế Toán	DTTS	Trường THPT Tràng Định	23,00	5	28,00	
304	19.02	Hoàng Thị Thu Hường	04/05/1993	Nữ	Tày	Cao Lộc - Lạng Sơn	Kế Toán	DTTS	Trường THPT Tràng Định		5	Bỏ thi	

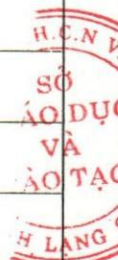
Danh sách này gồm có 304 người./

UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1108/QĐ-SGDĐT ngày 17/9/2024 của Giám đốc Sở GDĐT)

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Môn/ vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Ghi chú
1	01.03	Hoàng Đình	Du	17/10/1995	Toán học	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Bắc Sơn	
2	01.05	Hà Mạnh	Dũng	15/06/1984	Toán học	Trung tâm Giáo dục thường xuyên 2 tỉnh Lạng Sơn	
3	01.07	Nguyễn Thành	Hiếu	08/10/1993	Toán học	Trường Trung học phổ thông Hữu Lũng	
4	01.10	Phạm Việt	Nghĩa	18/10/2002	Toán học	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Bình Gia	
5	01.11	Nguyễn Đức	Quang	10/05/2001	Toán học	Trường Trung học phổ thông Văn Nham	
6	01.15	Hoàng Thị	Tích	06/11/1994	Toán học	Trường Trung học phổ thông huyện Đình Lập	
7	01.17	Dương Thị	Thúy	27/12/1992	Toán học	Trường Trung học phổ thông Vũ Lễ	
8	02.01	Hoàng Thị	Hà	18/08/1997	Vật lí	Trường Trung học phổ thông Đồng Bành	
9	02.06	Hoàng Hồng	Linh	24/09/1998	Vật lí	Trường Trung học phổ thông chuyên Chu Văn An	
10	02.07	Đỗ Thị Thanh	Mai	03/02/1988	Vật lí	Trung tâm Giáo dục thường xuyên 2 tỉnh Lạng Sơn	
11	02.10	Lâm Thị	Thủy	11/07/1993	Vật lí	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Tràng Định	
12	02.12	Ngụy Thị	Uyên	15/05/1993	Vật lí	Trường Trung học phổ thông Hữu Lũng	
13	03.04	Vương Văn	Hậu	25/11/1992	Hoá học	Trường Trung học phổ thông Văn Nham	
14	03.09	Nguyễn Thị	Thảo	02/05/1997	Hoá học	Trường Trung học phổ thông Hữu Lũng	
15	03.10	Lăng Thị	Thu	06/12/1990	Hoá học	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Tràng Định	
16	03.12	Dương Thời	Trọng	25/02/1992	Hoá học	Trường Trung học phổ thông Bắc Sơn	
17	04.03	Hoàng Thị	Diễm	24/09/1985	Ngữ văn	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bình Đô	
18	04.09	Triệu Thị	Hà	04/08/1992	Ngữ văn	Trường Trung học phổ thông Tân Thành	
19	04.11	Phạm Thu	Huyền	25/10/1995	Ngữ văn	Trung tâm Giáo dục thường xuyên 2 tỉnh Lạng Sơn	
20	04.12	Lâm Thị	Lan	04/10/1991	Ngữ văn	Trường Trung học phổ thông Văn Nham	
21	04.20	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	11/11/2002	Ngữ văn	Trung tâm Giáo dục thường xuyên 2 tỉnh Lạng Sơn	
22	04.24	Nông Bích	Phượng	23/02/1997	Ngữ văn	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bình Đô	
23	04.27	Triệu Thị	Son	24/02/1995	Ngữ văn	Trường Trung học phổ thông Bình Gia	
24	04.31	Phan Ngọc	Thanh	18/10/2002	Ngữ văn	Trường Trung học phổ thông chuyên Chu Văn An	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Môn/ vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Ghi chú
25	04.34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	29/07/2002	Ngữ văn	Trường Trung học phổ thông Vân Nham	
26	05.01	Hoàng Thị Gái	09/03/2002	Lịch sử	Trường Trung học phổ thông huyện Đình Lập	
27	05.06	Hùng Thị Hoàn	12/11/2002	Lịch sử	Trung tâm Giáo dục thường xuyên 2 tỉnh Lạng Sơn	
28	05.11	Hoàng Thị Hương	09/02/1996	Lịch sử	Trường Trung học phổ thông Vân Nham	
29	05.15	Mã Thị Mạo	28/03/2002	Lịch sử	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Văn Lãng	
30	05.16	Vy Thị Niềm	08/07/1994	Lịch sử	Trường Trung học phổ thông Ba Sơn	
31	05.20	Vi Thị Nhíp	10/10/2002	Lịch sử	Trường Trung học phổ thông Đồng Bành	
32	05.21	Lý Kim Oanh	07/02/1992	Lịch sử	Trung tâm Giáo dục thường xuyên 2 tỉnh Lạng Sơn	
33	05.24	Chu Thị Châu Sa	02/10/1998	Lịch sử	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Văn Lãng	
34	06.01	Lương Ngọc Anh	21/10/1994	Địa lí	Trung tâm Giáo dục thường xuyên 2 tỉnh Lạng Sơn	
35	06.03	Nguyễn Thị Diệu	29/12/1991	Địa lí	Trường Trung học phổ thông Tân Thành	
36	06.09	Hà Văn Huấn	25/10/1992	Địa lí	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bình Độ	
37	06.14	Triệu Thị Lan	04/10/1987	Địa lí	Trường Trung học phổ thông Hội Hoan	
38	06.23	Dương Thị Kim Tuyền	22/12/1995	Địa lí	Trường Trung học phổ thông chuyên Chu Văn An	
39	06.25	Nông Út Thịnh	12/02/1995	Địa lí	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Lộc Bình	
40	06.31	Triệu Thị Thanh Thuý	16/05/2001	Địa lí	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Văn Lãng	
41	06.33	Dương Thị Việt	21/02/1991	Địa lí	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bình Độ	
42	06.34	Vy Thị Yến	03/11/1996	Địa lí	Trường Trung học phổ thông Hữu Lũng	
43	07.05	Chương Thị Hà	10/10/1990	GDCD	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bình Độ	
44	07.11	Vi Thị Thanh Nga	04/02/1987	GDCD	Trường Trung học phổ thông Vân Nham	
45	07.14	Hà Thị Nguyên	17/08/1993	GDCD	Trường Trung học phổ thông Hữu Lũng	
46	07.15	Lãng Thị Huệ	11/11/2002	GDCD	Trường Trung học phổ thông Tân Thành	
47	08.01	Nguyễn Vũ Hương Giang	23/05/2002	Tiếng Anh	Trường Trung học phổ thông huyện Tràng Định	
48	08.02	Ngô Thu Hà	24/03/2001	Tiếng Anh	Trường Trung học phổ thông Vân Nham	
49	08.04	Vi Thị Lựa	01/02/1991	Tiếng Anh	Trường Trung học phổ thông Chi Lăng	
50	08.05	Nguyễn Đức Nghĩa	12/01/1998	Tiếng Anh	Trường Trung học phổ thông Văn Lãng	
51	08.06	Chu Thanh Tâm	07/08/1990	Tiếng Anh	Trường Trung học phổ thông Chi Lăng	
52	09.04	Nông Thị Ly	24/09/1999	Tiếng Trung Quốc	Trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Lạng Sơn	



Handwritten signature in blue ink.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Môn/ vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Ghi chú
53	09.10	Lộc Thị Huyền Trang	22/09/2000	Tiếng Trung Quốc	Trường Trung học phổ thông Lộc Bình	
54	11.05	Lò Thị Hiền	07/05/2001	Giáo dục QPAN	Trường Trung học phổ thông Tân Thành	
55	11.09	Hoàng Thị Loan	28/03/1997	Giáo dục QPAN	Trường Trung học phổ thông Hữu Lũng	
56	11.13	Triệu Bảo Ngọc	01/12/2002	Giáo dục QPAN	Trường Trung học phổ thông Hòa Bình	
57	11.17	Lộc Trọng Tuấn	14/08/1986	Giáo dục QPAN	Trường Trung học phổ thông Tú Đoàn	
58	12.04	Nông Văn Khéo	12/04/1989	Giáo dục thể chất	Trường Trung học phổ thông Tân Thành	
59	12.08	Hoàng Tiến Thiêm	28/07/1994	Giáo dục thể chất	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Tràng Định	
60	13.01	Hà Xuân Cảnh	12/10/1986	Công nghệ	Trường Trung học phổ thông Hữu Lũng	
61	13.02	Trịnh Thị Đào	28/11/1991	Công nghệ	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Văn Lãng	
62	13.04	Nông Thị Thảo	28/06/1989	Công nghệ	Trường Trung học phổ thông Hữu Lũng	
63	14.01	Lý Thanh Hương	01/02/1982	Thư viện	Trường Trung học phổ thông Hoà Bình	
64	14.03	Dương Thị Thiệp	26/10/1989	Thư viện	Trường Trung học phổ thông Hội Hoan	
65	15.09	Nguyễn Thị Mai	28/08/1984	Y sỹ	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Tràng Định	
66	15.10	Đinh Thị Oanh	06/11/1992	Y sỹ	Trường Trung học phổ thông Lương Văn Tri	
67	16.01	Hoàng Minh Hường	29/03/1985	Thiết bị	Trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ	
68	17.05	Hà Thị Thảo	14/01/1996	Văn thư	Trường Trung học phổ thông Chi Lăng	
69	17.07	Đinh Lý Quỳnh Trang	31/12/2002	Văn thư	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Chi Lăng	
70	18.57	Phan Thị Phương Yến	26/12/1995	Giáo vụ	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Bắc Sơn	
71	18.49	Lương Thị Hương Trà	04/11/1996	Giáo vụ	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Cao Lộc	
72	18.20	Dương Doãn Hưng	29/03/1996	Giáo vụ	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Hữu Lũng	
73	18.50	Lý Thị Huyền Trang	02/09/1992	Giáo vụ	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Tràng Định	
74	18.06	Dương Phương Dung	02/09/1996	Giáo vụ	Trường Trung học phổ thông chuyên Chu Văn An	
75	19.03	Hoàng Ngọc Lan	01/08/2001	Kế toán	Trường Trung học phổ thông huyện Tràng Định	

Danh sách gồm 75 người./

MB